

Bản án số: 44/2026/HS-ST
Ngày 07/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đức, ông Hoàng Ngọc Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Giang – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thị P; sinh ngày 17/6/1977 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 04/12; Con ông: Đỗ Quang T, sinh năm 1948 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị P1, sinh năm 1948; Chồng: Hoàng Văn H, sinh năm 1972 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/01/2026 đến ngày 02/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo tại ngoại; (có mặt).

2. Nguyễn Văn T1; sinh ngày 10/02/1975 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1938 và bà: Trần Thị C, sinh năm 1942; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/01/2026 đến ngày 02/02/2026. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo tại ngoại; (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn H, xã M, tỉnh Phú Thọ; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên Đỗ Thị P, sinh năm: 1977, trú tại: Khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ thực hiện hành vi đánh bạc với nhau bằng hình thức mua bán số lô, số đề với Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1975, trú tại: Khu Đ, xã H, tỉnh Phú Thọ và Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 ở thôn H, xã M, tỉnh Phú Thọ. P, T1 và K thỏa thuận: P sử dụng số điện thoại 0787074641 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ T1 qua số điện thoại 0934497735 của T1 và từ K qua số điện thoại 0372062217 của K chuyển đến để đánh bạc. Sau khi nhận tin nhắn mua các số lô, số đề của T1 và K, P sẽ nhắn tin trả lời "OK" để xác nhận tin nhắn đã nhận.

Về hình thức đánh bạc P, T1 và K thống nhất: Số đề được so sánh với hai số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng lúc 18 giờ 15 phút hàng ngày; nếu số đề mua trùng với hai số cuối của giải đặc biệt là trúng thưởng và được trả số tiền gấp 70 lần tiền mua số. Số lô được so sánh với hai số cuối của tất cả các giải (27 giải) kết quả xổ số Miền Bắc; một điểm lô là 22.000đ, nếu trúng thưởng sẽ được trả số tiền là 80.000đ/1 điểm lô. Sau khi có kết quả xổ số sẽ đối chiếu tính thắng thua và thanh toán tiền trực tiếp với nhau vào ngày hôm sau.

*** Hành vi đánh bạc của Nguyễn Văn K:**

Ngày 25/01/2026, K ở nhà sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ màu đen, gắn sim thuê bao số 0372062217 để gửi 01 tin nhắn các số lô, số đề gồm: đầu 7-50n; tổng 1=150; kép 0=60n; day 14=80n; 41.00.01 mỗi con 100.000đ; 01,10,34,43 mỗi con 30.000đ; lô 14,41, 20đ gửi đến số điện thoại 0787074641 của P để đánh bạc với số tiền tương ứng là: 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tin nhắn, P đã nhắn tin trả lời "OK" để xác nhận tin nhắn đã nhận. Tiền mua số lô, số đề, K chưa thanh toán cho P.

*** Hành vi đánh bạc của Nguyễn Văn T1:**

Ngày 25/01/2026, T1 ở nhà sử dụng điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, lắp sim thuê bao số 0934497735 để gửi 01 tin nhắn SMS để mua các số lô, số đề gồm: Lô 38, 15 điểm; Số 10,30,50,70,90 mỗi số 100n; Lô 73,45điểm; Lô 45,95 điểm; Lô 42,44,46,48,14,52, mỗi lô 5, điểm; Lô 57, 20 điểm đến số điện thoại 0787074641 của P để đánh bạc với số tiền là 5.010.000đ (Năm triệu không trăm mười nghìn đồng). Sau khi nhận tin nhắn, P đã nhắn tin trả lời "OK" để xác nhận tin nhắn đã nhận. Tiền mua số lô, số đề, T1 chưa thanh toán cho P.

*** Hành vi đánh bạc của Đỗ Thị P:**

Ngày 25/01/2026, P ở nhà sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, vỏ màu trắng, gắn sim thuê bao số 0787074641 để nhận tin nhắn các số lô, số đề.

- Hồi 17 giờ 37 phút ngày 25/01/2026, P nhận 01 tin nhắn các số lô, số đề từ số thuê bao 0934497735, Phú lưu trong danh bạ là "Không Có Buổi" của T1 chuyển đến để đánh bạc gồm: Lô 38,15 điểm; số 10, 30, 50, 70, 90, mỗi số 100n; lô 73, 45 điểm; lô 45, 95 điểm; lô 42, 44, 46, 48, 14, 52, mỗi lô 5 điểm; lô 57, 20 điểm. Tổng số tiền đánh bạc giữa P và T1 là 5.010.000đ (Năm triệu không trăm mười nghìn đồng). Số tiền này T1 chưa trả cho P.

- Hồi 17 giờ 51 phút ngày 25/01/2026, P sử dụng sim thuê bao số 0787074641 để nhận 01 tin nhắn các số lô, số đề từ số thuê bao 0372062217, Phú lưu trong danh

bạ là "Dun M Hòa" của K chuyển đến đánh bạc gồm: đề đầu 7=50n; tổng 1=150; kép 0 = 60n; day 14 = 80n; 41, 00,01 mỗi con 100.000đ; 01, 10, 34, 43 mỗi con 30.000đ; lô 14, 41 20đ. Tổng số tiền đánh bạc P và K là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền đánh bạc này K chưa trả cho P.

Tổng số tiền P đánh bạc với T1 và K là 6.210.000đ (Sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng)

Đến hồi 18 giờ 10 phút ngày 25/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P triệu tập làm việc với P, T1 và K. Tại Cơ quan điều tra, cả ba đối tượng đã khai nhận hành vi của mình như nêu trên.

***Tang vật thu giữ:**

- Thu giữ của Nguyễn Văn K: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ màu đen, gắn sim thuê bao số 0372062217;

- Thu giữ của Nguyễn Văn T1: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim thuê bao số 0934497735;

- Thu giữ của Đỗ Thị P: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, vỏ màu trắng, gắn sim thuê bao số 0787074641.

***Kết quả tra cứu chủ thuê bao:**

Đối với số thuê bao điện thoại 0787074641, P khai là sim rác mua trôi nổi trên thị trường. Xác minh tại Công ty D, xác định chủ thuê bao là Hà Huy N, sinh năm 2004, trú tại: khu X, xã X, tỉnh Phú Thọ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa phương xác nhận Hà Huy N có đăng ký thường trú tại địa phương, hiện tại N đi đâu, làm gì gia đình và chính quyền địa phương không xác định được nên không có căn cứ xử lý. Đối với số thuê bao điện thoại 0934497735, T1 khai là sim rác mua trôi nổi trên thị trường. Xác minh tại Công ty D, xác định chủ thuê bao là Nguyễn Văn T3, sinh năm 2007, trú tại: khu Q, xã H, tỉnh Phú Thọ. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa phương xác nhận: Nguyễn Văn T3 có đăng ký thường trú tại địa phương, hiện tại T3 đi đâu, làm gì gia đình và chính quyền địa phương không xác định được nên không có căn cứ xử lý. Đối với số thuê bao điện thoại 0372062217, K khai là sim chính chủ của K sử dụng liên lạc hàng ngày. Xác minh tại Tập đoàn C1 xác định chủ thuê bao là Nguyễn Văn K.

***Kết quả trưng cầu giám định:**

Ngày 07/02/2026, Cơ quan CSĐT, Công an tỉnh P ra quyết định trưng cầu giám định số 2308/QĐ-CSHS, T5 Bộ C2 giám định kỹ thuật số và kỹ thuật điện tử đối với: Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ màu đen, gắn sim thuê bao số 0372062217; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim thuê bao số 0934497735 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, vỏ màu trắng, gắn sim thuê bao số 0787074641.

Tại Kết luận giám định số 1143/KLGD-KTHS ngày 06/03/2026 của V1 Bộ C2, kết luận:

"+ Trong mẫu vật ký hiệu A1 (điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, kèm 01 sim có dãy số: 8401240813097587):

- Điện thoại gửi giám định đang trong quá trình cài đặt lại về trạng thái ban đầu (khôi phục cài đặt gốc) nên không trích xuất, phục hồi dữ liệu được.

- Không tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong SMS.

+ Trong mẫu vật ký hiệu A2 (điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số IMEI1: 353104104640738, IMEI2: 353104104600732, kèm 01 sim có dãy số: 8401231012570220):

- Trích xuất, phục hồi được: 05 tin nhắn SMS, 03 file hình ảnh lưu trữ trên máy điện thoại trong khoảng thời gian từ 17/01/2026 đến ngày 25/01/2026. Chi tiết thể hiện trong thư mục "A2" của đĩa CD kèm theo. Kiểm tra tại thư mục "A2" của đĩa CD: 05 tin nhắn SMS, trong đó tin nhắn số 02 là tin nhắn mua số lô, số đề ngày 25/01/2026 của Nguyễn Văn K gửi cho Đỗ Thị P; tin nhắn số 4 là tin nhắn mua số lô, số đề ngày 25/01/2026 của Nguyễn Văn T1 gửi cho Đỗ Thị P. Những tin nhắn, file hình ảnh còn lại không liên quan đến hành vi đánh bạc mua bán số lô, số đề.

- Không tìm thấy tin nhắn Z, Facebook, M, T4, V.

- Không tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong SMS.

+ Trong mẫu vật ký hiệu A3 (điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, kèm 01 sim có dãy số: 8984048000300316176):

- Trích xuất, phục hồi được: 05 tin nhắn SMS, 63 tin nhắn Zalo, 523 tin nhắn Facebook Messenger, 01 file hình ảnh, 32 file âm thanh lưu trữ trên máy điện thoại trong khoảng thời gian từ 17/01/2026 đến ngày 25/01/2026. Chi tiết thể hiện trong thư mục "A3" của đĩa CD kèm theo. Kiểm tra tại thư mục "A3" của đĩa CD: 05 tin nhắn SMS, trong đó có tin nhắn số 02 là tin nhắn mua số lô, số đề ngày 25/01/2026 của Nguyễn Văn K gửi cho Đỗ Thị P. Những tin nhắn, hình ảnh, file âm thanh còn lại không liên quan đến hành vi đánh bạc mua bán số lô, số đề.

- Không tìm thấy tin nhắn T4, V.

- Không tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong SMS".

Qua rà soát dữ liệu trích xuất xác định ngày 25/01/2025, P, T1, K có hành vi nhắn tin mua bán số lô, số đề, nội dung tin nhắn và thời gian phù hợp nhau.

*Kết quả điều tra còn xác định:

Đối với Nguyễn Văn K, kết quả điều tra xác định: Ngày 25/01/2026, K đã mua số lô, số đề của P với tổng số tiền là 1.200.000đ, bản thân K chưa có tiền án hay bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gá bạc do vậy hành vi nêu trên của K chưa đủ yếu tố cấu thành tội: Đánh bạc, quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã có văn bản chuyển tài liệu và đề nghị Phòng C3 Công an tỉnh P xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn K. Ngày 10/3/2026, Phòng C3 Công an tỉnh P đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với K theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội với mức phạt tiền 350.000đ và khắc phục hậu quả truy thu số tiền 1.200.000đ là tiền Nguyễn Văn K mua số lô, số đề của P. K đã chấp hành nộp phạt xong số tiền xử phạt và số tiền truy thu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 105/CT-VKSK-P2 ngày 09/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị P từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 07 ngày tạm giữ (từ ngày 26/01/2026 đến ngày 02/02/2026), quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 07 ngày tạm giữ (từ ngày 26/01/2026 đến ngày 02/02/2026), quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo P, T1 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo P, T1 cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục; Gia đình các bị cáo P, T1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 Khấu từ 5% đến 10% số tiền thu nhập 5.000.000 đồng/ tháng đối với bị cáo P, T1.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1.

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 5.010.000đ (Năm triệu không trăm mười nghìn đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của anh Nguyễn Văn K đã nộp số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ màu đen, thu giữ của anh Nguyễn Văn K; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của Nguyễn Văn T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, vỏ màu trắng, thu giữ của Đỗ Thị P.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số điện thoại 0372062217 thu giữ của anh Nguyễn Văn K; 01 thẻ sim thuê bao số 0934497735 thu giữ của Nguyễn Văn T1; 01 thẻ sim thuê bao số 0787074641 thu giữ của Đỗ Thị P.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải và đề nghị được áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh P, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn K đã được Toà án triệu tập tham gia tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên là phù hợp.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ kết tội và hình phạt:

* Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã công bố, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không oan, sai. Lời khai nhận tội giữa các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/01/2026 Đỗ Thị P nhận tin nhắn SMS trên điện thoại di động của Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn K để đánh bạc với hình thức bán số lô, số đề cho T1 và K. Trong đó, số tiền đánh bạc của P với T1 là 5.010.000đồng; số tiền đánh bạc của P và K là 1.200.000đồng. Như vậy, số tiền dùng vào việc đánh bạc ngày 25/01/2026 của Đỗ Thị P là 6.210.000đồng, của Nguyễn Văn T1 là 5.010.000đồng, của Nguyễn Văn K là 1.200.000đồng. Do vậy, Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Khoản 1 Điều 321 – Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

* Xét về tính chất vụ án: Tính chất vụ án thuộc tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi đánh bạc của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp đã gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế gia đình, là nguồn gốc phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Động cơ phạm tội của các bị cáo là tư lợi và thu lời bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý tương ứng với hành vi mà các bị cáo gây ra.

* Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Trong vụ án này, Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nên vai trò là người thực hành trong vụ án. Do háo lợi muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo P đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề với bị cáo T1 và anh Nguyễn Văn K. Tội phạm xảy ra mang tính bột phát, không có tính tổ chức.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 đều là những người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo P và bị cáo T1 được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nêu, căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự thì người bị kết án phạt cải tạo không giam giữ còn phải bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Qua xác minh trong quá trình điều tra và bị cáo P, T1 đã khai nhận tại phiên tòa thì bị cáo P, T1 làm lao động tự do, cả 02 bị cáo có mức thu nhập bình quân tại thời điểm hiện nay là 5.000.000đ/tháng, các bị cáo có sức khỏe đang trong độ tuổi lao động, do đó cần phải thực hiện khấu trừ thu nhập của bị cáo P, T1 là 5%/tháng theo mức thu nhập bình quân của các bị cáo nêu trên là phù hợp.

[2.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 50.000.000đồng”. Xét thấy, đối với các bị cáo P, T1 là lao động tự do, có thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2.3] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 6.210.000đ (Sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng) các bị cáo và người liên quan sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn T1 đánh bạc với số tiền 5.010.000đ (Năm triệu không trăm mười nghìn đồng) cần truy thu để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước; anh Nguyễn Văn K đánh bạc số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn K đã nộp số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ màu đen, thu giữ của anh Nguyễn Văn K; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của Nguyễn Văn T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, vỏ màu trắng, thu giữ của Đỗ Thị P là công cụ, phương tiện sử dụng để đánh bạc cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 thẻ sim số điện thoại 0372062217 thu giữ của anh Nguyễn Văn K; 01 thẻ sim thuê bao số 0934497735 thu giữ của Nguyễn Văn T1; 01 thẻ sim thuê bao số 0787074641 thu giữ của Đỗ Thị P, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Vật chứng là đồ vật đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra bàn giao cho Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/4/2026. Vật chứng là tiền đã được chuyển đến tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, số tài khoản 3949.0.1054134.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII, theo chứng từ Ủy nhiệm chi số 02 ngày 05/5/2026 của Công an tỉnh P.

[2.4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Phú Thọ là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị P 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 07 ngày tạm giữ (từ ngày 26/01/2026 đến ngày 02/02/2026), quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo P còn phải chấp hành 11 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 07 ngày tạm giữ (từ ngày 26/01/2026 đến ngày 02/02/2026), quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T1 còn phải chấp hành 09 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo P, T1 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo P và bị cáo T1 cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành hình sự.

Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, khấu trừ một phần thu nhập của bị cáo P là 05% trên tổng thu nhập 5.000.000 đồng, bằng số tiền là 250.000 đồng/tháng để sung quỹ nhà nước; của bị cáo T1 là 05% trên tổng thu nhập 5.000.000 đồng, bằng số tiền là 250.000 đồng/tháng để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ được thực hiện hằng tháng cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P, bị cáo T1.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 5.010.000đ (Năm triệu không trăm mười nghìn đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A58, vỏ màu đen thu giữ của anh Nguyễn Văn K; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của Nguyễn Văn T1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS Max, vỏ màu trắng thu giữ của Đỗ Thị P.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim số điện thoại 0372062217 thu giữ của anh Nguyễn Văn K; 01 thẻ sim thuê bao số 0934497735 thu giữ của Nguyễn Văn T1; 01 thẻ sim thuê bao số 0787074641 thu giữ của Đỗ Thị P.

(Vật chứng là điện thoại và sim điện thoại đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra bàn giao cho Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/4/2026).

Tịch thu của Nguyễn Văn K 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước (Số tiền này đã được chuyển đến tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, số tài khoản 3949.0.1054134.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII, theo chứng từ Ủy nhiệm chi số 02 ngày 05/5/2026 của Công an tỉnh P).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đỗ Thị P, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND KV 6- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ (Phòng THADS KV6);
- CQTHAHS- CA tỉnh Phú Thọ;
- CQCSĐT-CA tỉnh Phú Thọ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- UBND xã Hùng Việt,
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

Trần Việt Dũng